

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG VĂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HSST
Ngày 19 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN TỈNH HÀ GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Giàng Mí Chớ*

*Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Giàng Mí Sính
2. Ông Trần Mạnh Thắng*

Thư ký ghi biên bản phiên toà : Bà Phạm Thị Châu Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà : Ông Đỗ Tuấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Sùng Mí N** (tên gọi khác: Không). Sinh năm 1985
Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H.
Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.
Chỗ ở: Thôn Má, xã S, huyện Đ, tỉnh H.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ văn hóa: 02/12; Chức vụ: Không.

Họ và tên cha: Sùng Su C, sinh năm: 1956 và Họ tên mẹ: Sùng Thị D, sinh năm: 1956.

Vợ: Ly Thị S, sinh năm 1986; Con: bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 26/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Bị cáo: **Sùng Mí L** (tên gọi khác: Không), Sinh ngày 08 tháng 6 năm 1997
Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H.
Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.
Chỗ ở: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: 02/12.

Số CMND: 073446880, cấp ngày 21 tháng 11 năm 2013; Nơi cấp: Công an tỉnh H.

Tiền án, tiền sự: Không

Họ và tên cha: Sùng Mí M, sinh năm (đã chết) và Họ tên mẹ: Hờ Thị M, sinh năm 1976.

Vợ: Vừ Thị M, sinh năm 1996.

Con: Bị cáo có một con sinh năm 2017.

Bị cáo bị khởi tố ngày 26/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Bị cáo: **Sùng Mí T** (tên gọi khác: Không), Sinh năm 2001.

Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Chỗ ở: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm nương.

Tiền án, tiền sự: Không;

Họ và tên cha: Sùng Mí M, sinh năm (đã chết) và Họ tên mẹ: Hờ Thị M, sinh năm 1976.

Vợ: Vàng Thị M, sinh năm: 2000; Con: Không.

Bị cáo bị khởi tố ngày 26/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Bị cáo: **Vừ Thị M** (tên gọi khác: Không), Sinh năm 1996

Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn , xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Chỗ ở: Thôn M, xã , huyện Đ, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Làm nương.

Tiền án, tiền sự: Không

Họ và tên cha: Vừ Dũng P, sinh năm: 1961 và Họ tên mẹ: Ly Thị M, sinh năm 1962.

Chồng: Sùng Mí L, sinh năm 1997. Con: bị cáo có một con sinh năm 2017.

Bị cáo bị khởi tố ngày 26/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Bị cáo: **Sùng Phái S** (tên gọi khác, **Sùng Mí S**) Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1990

Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã , huyện Đ, tỉnh H.

Chỗ ở: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12

Nghề nghiệp: Làm nương.

Số CMND: 073443122 cấp ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nơi cấp: Công an tỉnh H.

Tiền án, tiền sự: Không

Họ và tên cha: Sùng Su C, sinh năm: 1956 và Họ tên mẹ: Sùng Thị D, sinh năm: 1956.

Vợ: Vừ Thị M, sinh năm 1991; Con: bị cáo có ba con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018.

Bị cáo bị khởi tố ngày 26/3/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Bị cáo: **Sùng Mí C** (tên gọi khác: Không), Sinh ngày 26 tháng 3 năm 1982

Nơi sinh: Xã S, huyện Đ, tỉnh H..

Nơi ĐKKHTT: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Chỗ ở: Thôn H, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nương.

Tiền án, tiền sự: Không

Họ tên cha: Sùng Chúa S, sinh năm: 1956 và Họ tên mẹ: Sùng Thị S, sinh năm 1957.

Vợ: Lầu Thị C, sinh năm 1985

Con: bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006.

Bị cáo bị khởi tố ngày 27/5/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác

+ Người bào chữa cho các bị cáo: Sùng Mí N; Sùng Phái S (tên gọi khác : Sùng Mí S); Vừ Thị M, Sùng Mí L: Bà Nguyễn Thị Thanh H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

+ Người bào chữa cho các bị cáo: Sùng Mí T, Sùng Mí C : ông Nguyễn Xuân G
- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

+ Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh **Sùng Mí V**, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Người làm chứng :

1. Ông Sùng Mí N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn H, xã s, huyện Đ, tỉnh H: Vắng mặt không lý do

2. Ông Sùng Sía M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H: Vắng mặt không lý do

3. Ông Sùng Chứ P, sinh năm 1961

Địa chỉ : Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H: Vắng mặt không lý do

4. Anh Sùng Pà S, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H: Có mặt

5. Chị Ly Thị V, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H: Có mặt

- **Người phiên dịch:** Ông **Mua Mí C**, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện M, tỉnh H: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 11/9/2018 Sùng Mí N, sinh năm 1985, trú tại thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H cầm chiếc điện thoại của vợ là Ly Thị S, sinh năm 1986 (*S là vợ cả của N đã bỏ đi Trung Quốc làm thuê*) xuống nhà Sùng Mí L, sinh năm 1997 và Vừ Thị M, sinh năm: 1996 trú cùng thôn và để ở trên tủ tivi nhưng không nói cho L, Máy biết. N ăn cơm và ở tại nhà L đến 16 giờ 00 phút cùng ngày thì về nhà. Khoảng 17 giờ ngày 11/9/2018 điện thoại của S đổ chuông thì M nghe đó là giọng một người đàn ông (*S không biết là ai*), M đưa điện thoại cho L xem thì phát hiện là điện thoại của N để quên, M cầm điện thoại lên nhà N để trả thì N nói: "*M cầm điện thoại về để ở nhà của M, khi nào người đàn ông tên là T (tức là Sùng Mí T, sinh năm 1968, trú tại thôn L, xã S, huyện Đ) gọi đến thì M hộ nghe và hẹn T đến gặp M ở trên đường ô tô để N đi gặp làm rõ việc T hay gọi đến số điện thoại của vợ làm gì*" M đồng ý và cầm điện thoại trên về để ở tủ tivi, khoảng 18 giờ cùng ngày T liên tục gọi đến và hỏi vợ của N, M nghe điện thoại thì sau đó T lại muốn làm quen với M.

Đến khoảng 06 giờ 00 ngày 12/9/2018 do T liên tục gọi đến điện thoại của vợ N, thấy vậy L cầm điện thoại của vợ N sang nhà trả cho N nhưng N không lấy và nói L cầm về nhà cho M hộ nghe nếu T gọi điện thoại đến. L cầm điện thoại về và để ở nhà, đến khoảng 09 giờ cùng ngày T tiếp tục gọi điện thoại M không nghe, nhưng lúc này có N đang ở đó N nói cứ nghe đi, M nghe điện thoại thì T hẹn 17 giờ cùng ngày sẽ gặp M, T nói màu sơn xe, biển kiểm soát của chiếc xe mình đi cho M biết nhưng lúc này M chưa đồng ý và tắt máy. Sau đó vợ chồng L đi cắt cỏ bò ở gần nhà (*M cầm theo chiếc điện thoại đi do N nói cứ cầm điện đi theo*). Khoảng 17 giờ cùng ngày T gọi điện cho Máy nói là T đi đến ngã ba xã Tả Phìn, huyện Đ rồi, khi M nghe điện của T xong nhận lời đi gặp T, vợ chồng L mang cỏ bò về đến nhà lúc đó vào khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L đi xuống nhà ông Sùng Sáy Lầu, sinh năm 1948, cách nhà L khoảng 15m để nói cho N biết việc T gọi điện và hẹn gặp M và đã đi đến ngã ba xã T, huyện Đ, vì N đang hộ gia đình ông Lầu làm chuồng bò. Lúc này tại nhà ông Lầu có thêm Sùng Mí T, sinh năm 2001, Sùng Phái S (*tên gọi khác Sùng Mí S*), sinh năm 1990 trú cùng thôn cũng đang làm hộ chuồng bò cho ông L, nghe L nói thế thì N nói "*thế thì bây giờ đi thôi*", (*N có nói cho T, Sỉ biết việc T thường xuyên gọi điện thoại cho vợ cả của N là Súng*) lúc đó S, T, L nghe N nói vậy thì đồng ý đi chứ không ai bàn bạc gì. L lấy xe mô tô của mình nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, BKS: 23N1-043.77, màu sơn: Bạc-Xám-Đen chở Sùng Phái S đi trước, Vừ Thị M cầm theo điện thoại đi bộ theo sau, N lấy một đoạn gậy dài khoảng 99 cm, rồi cùng T mỗi người đi một chiếc xe mô tô đi sau M (*N không nhớ biển kiểm soát, nhãn hiệu xe, chỉ nhớ màu sơn đỏ*). L và S điều khiển xe mô tô đi theo hướng xuống Ủy ban nhân dân xã S thì gặp T đi một chiếc xe mô tô màu trắng, đội mũ trùm kín đầu đi theo hướng ngược chiều lên thôn M, xã S (*do lúc*

nghe điện thoại tại nhà L., T đã mô tả màu sơn xe mô tô và mũ bảo hiểm cho M biết và M đã nói lại cho mọi người cùng biết) L và S không dừng lại mà tiếp tục đi, khi đi đến chợ Sính Lũng L dừng xe và đi vào chợ để mua nước uống sau đó tiếp tục quay ngược xe lại và đi theo T lên đến gần ngã ba rẽ vào thôn M thì thấy T dừng xe lại và gọi điện thoại, L và S đi qua không nói gì với T, lúc này khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày. L, S gặp N, còn T cũng đến ngã ba rẽ vào thôn M, xã S, sau đó L nói cho N biết là T đang dừng xe mô tô ở gần ngã ba rẽ vào thôn M, thấy vậy N không nói gì, L và S đi xe mô tô theo hướng Sính Lũng – ĐV đến ngã ba có đường rẽ đi thôn Sính Lũng rồi ở đó chờ xem T có quay lại không, còn M đi bộ lên đến đường ô tô thì gặp T đi xe mô tô từ hướng Đồng Văn vào xã Sính Lũng và gặp M ở trên đường ô tô, T dừng mô tô hỏi người phụ nữ đang đứng bên đường “*có phải người mà T đã hẹn ra không*”? M nói đúng rồi, sau đó T đi xe mô tô đi một đoạn đến đường rẽ vào thôn M, xã S, rồi T quay xe mô tô lại đuổi theo M, đuổi kịp M thì T dừng xe và bảo M lên xe của T ngồi, nhưng M không đồng ý, T ngồi trên xe mô tô đầu vẫn đội mũ bảo hiểm, còn M đứng ở cạnh đường nói chuyện thì N và Tủa mỗi người đi trên một xe mô tô đến, Tủa tiếp tục điều khiển xe mô tô đi qua chỗ T và Máy đang đứng nói chuyện khoảng 100m về hướng Đồng Văn, còn N dừng lại rồi lao vào đập xe mô tô của T, thấy vậy T nổ máy và định bỏ chạy thì N dùng gậy đánh vào người của T làm T cùng xe mô tô đổ xuống đường. N dùng gậy đánh vào đầu mô tô và mũ bảo hiểm T đang đội trên đầu làm mũ bảo hiểm của T vỡ, đồng thời N dùng chân, tay, gậy đánh vào người T, sau đó T ngã xuống rãnh nước lề đường, còn Máy đứng ở cạnh đường không tham gia đánh chỉ nhìn N đánh Thà, còn Tủa đi qua chỗ Thà và M đứng được khoảng 100m thì điều khiển xe mô tô quay về đến chỗ T và M thì thấy N đã đánh T ngã xuống rãnh cạnh đường, T dừng xe và đi đến dùng tay trái, chân trái đánh một cái và đá một cái vào đầu và lưng của T. Còn về phía L và S khi điều khiển xe quay về đến nơi thì thấy T đang ngồi ở dưới rãnh bên phải theo hướng Sính Lũng – Đồng Văn lúc này không thấy N và T đánh T nữa, chỉ thấy N cầm cây gậy chọc vào mũ bảo hiểm của T bắt T bỏ mũ bảo hiểm ra để xem mặt. Sau đó N nói là “*đưa về nhà để giải quyết*”, T, L, M, S nhất trí. Sau đó N điều khiển mô tô của mình đưa T về nhà L, còn mô tô của T do T điều khiển về và để ở trên nhà N, L đèo M về, còn S đi xe của T về. Lúc này vào khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, mọi người đến nhà N thì để lại xe mô tô ở trên nhà N rồi N, L, M, T đưa T xuống nhà L, nhà L cách nhà N khoảng 15m, còn S đi về nhà riêng để ăn cơm.

Khi đến nhà L, N để cho T ngồi ở gian giữa sát cột nhà bên trái từ ngoài cửa chính vào, còn N, T ngồi tại vị trí bên trái sát tường nhà tính từ cửa ngách bên trái, L và M ngồi ở vị trí bên phải tính từ cửa ngách bên trái ngôi nhà vào, M ngồi trên giường một lúc sau đó M đưa con ra khỏi nhà và không tham gia vào quá trình cưỡng đoạt tài sản. Sau đó N, L, T, cùng tra hỏi T về việc T có quan hệ bất chính với vợ của N như thế nào. Sau đó N gọi điện t, sinh năm 1984 (*là em trai của C*) trú cùng thôn nhờ N đèo Cơ lên nhà L (*C không nói cho N biết mình đi làm gì*). Trong khi đợi C đến, N cho T gọi điện thoại về nhà cho người nhà của T đến cùng giải quyết.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày C và Sùng Mí N, sinh năm 1984 đến nhà L, đến nơi C nhận ra Trời Cơ chứ ới T rồi dùng 01 chai nước lavi (*Loại AB*) đang

uống dở (còn khoảng 1/2 chai) ném trúng vào vai trái của T, sau đó Cơ tiếp tục dùng một chiếc ghế nhựa màu hồng nhạt đánh vào vai trái của T làm ghế vỡ, Cơ dùng chân phải đạp vào chiếc ghế mà T đang ngồi làm T ngã ra, ngay lúc đó Sùng Mí N, sinh năm 1984 (em trai C) can ngăn không cho C đánh T thêm nữa nên Cơ dừng lại. Sau đó C ngồi bên phải cạnh bếp tính từ cửa ngách trái nhà vào. C, N tra hỏi T phải khai nhận việc có quan hệ bất chính với vợ cả của N. T đã khai nhận vào khoảng cuối tháng 7 năm 2018 T đi chợ phiên huyện Đ và quen biết với Ly Thị S, sinh năm 1986 (vợ cả của N) khi biết nhau T và S lời là T gọi điện thoại về là ra đón T, không giải quyết việc gì”. Khi anh em của T đến Cơ phạt T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) cho thôn M vì T đã vi phạm quy ước của thôn M, xã S, huyện Đ. T đồng ý, C tiếp tục đưa giấy bút cho T viết, C đọc và yêu cầu T viết đúng theo ý của C. T đưa cho C 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), N không đồng ý với số tiền 300.000đ, N nói “nếu phạt 300.000đ thôi, N sẽ lấy dao ra chặt đứt một cánh tay của T, xong cho T về nhà không cần phạt gì thêm”, sau khi N dọa T xong một lúc N, L, T đưa ra điều kiện, T phải trả số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), do T phá hoại hạnh phúc gia đình của N và L, thì C yêu cầu T phải nộp 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho N, T không đồng ý với số tiền trên. N dọa nếu không đồng ý đưa tiền, T sẽ bị chặt đứt một cánh tay, do sợ bị chặt tay nên T đã đồng ý sẽ đưa số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng) N, L, T, C không đồng ý, khi đó N, L, C thống nhất giảm số tiền xuống còn là 10.000.000đ (mười triệu đồng), T đồng ý nhưng không cầm tiền mặt đi theo, C bắt T viết giấy hẹn và để lại chiếc xe mô tô YAMAHA biển kiểm soát 23N1-023.27, và đăng ký xe cùng chìa khóa xe của T để làm tin, hẹn đúng 10 ngày, T phải mang 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến trả cho N, nếu sau 10 ngày, T không mang tiền sang trả cho N thì chiếc mô tô của T sẽ thuộc về N, nội dung viết giấy hẹn cũng do C đọc cho T viết theo đúng ý của C, khi T viết giấy hẹn xong khoảng 23 giờ cùng ngày. Lúc này N gọi điện thoại cho anh trai là Sùng Pà S, sinh năm 1978 và vợ của S là Ly Thị V, sinh năm 1980 sang nhà L để chứng kiến. Khi S và V đến nhà L, S không biết là giấy tờ gì, C bảo S điểm chỉ ngón tay vào tờ giấy phạt T 300.000đ, Say không đồng ý điểm chỉ thì C giải thích cho S biết là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trên là do T vi phạm quy ước của thôn M để sau khi T cầm được 10.000.000đ (mười triệu đồng) sang trả cho N, sẽ lấy số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đi mua bia về uống, còn V thì không ký và điểm chỉ gì. Sau khi S điểm chỉ xác nhận vào tờ giấy phạt 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) xong, C đưa 300.000đ cho S cất giữ. Khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày C, N, L, T cùng Sùng Sía M, Sùng Chứ P và T đi lên nhà của N để kiểm tra mô tô của T và giao đăng ký mô tô cùng chìa khóa xe cho N giữ, sau đó mới cho T cùng M, P về nhà. Đến ngày 16/9/2018 ông Sùng Mí T viết đơn gửi Công an huyện Đ đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được đơn tố giác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 05/10/2018 Sùng Mí T có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi cố ý gây thương tích cũng như bồi thường thiệt hại vụ việc xảy ra ngày 12/9/2018

Ngày 28/01/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 06/QĐ khởi tố vụ án hình sự Cường đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Ngày 26/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02/QĐ-CQĐT khởi tố bổ sung vụ án hình sự Bắt, giữ người trái pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H ra Quyết định khởi tố bị can số 19; 21; 23/QĐ-CQĐT đối với Sùng Mí L, Sùng Mí N, Sùng Mí T về tội: Bắt, giữ người trái pháp luật và Cường đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; Quyết định khởi tố bị can số 20; 22/QĐ-CQĐT đối với Vừ Thị M, Sùng Phái S (Sùng Mí S) về tội Bắt, giữ người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Đồng thời cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện cũng ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 04, 05, 06, 07, 08/LB-CQĐT đối với các bị can Sùng Mí L, Vừ Thị M, Sùng Mí N, Sùng Phái S, Sùng Mí T.

Ngày 25/4/2019 bị can Vừ Thị Máy đến Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đồng Văn đầu thú về hành vi Bắt, giữ người trái pháp luật. Cùng ngày Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ ra Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 01/ĐN-CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 05/LB-CQĐT, ngày 26/3/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số: 01/QĐ-VKS, hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với Vừ Thị M. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 07/LC-CQĐT đối với bị can Vừ Thị M.

Ngày 08/5/2019 các bị can Sùng Phái S (*Sùng Mí S*), Sùng Mí L đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đầu thú về hành vi Bắt, giữ người trái pháp luật và Cường đoạt tài sản của mình. Cùng ngày Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ ra Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 02, 03/ĐN-CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 05, 07/LB-CQĐT, ngày 26/3/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số: 02, 03/QĐ-VKS hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với Sùng Phái S (Sùng Mí S), Sùng Mí L. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 08/LC-CQĐT đối với bị can Sùng Phái S (Sùng Mí S); Quyết định bảo lãnh số 01a/QĐ-CQĐT, ngày 08/5/2019 đối với Sùng Mí L và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phê chuẩn cùng ngày.

Ngày 27/5/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh H ra Quyết định khởi tố bị can số 27/QĐ-CQĐT đối với Sùng Mí C về tội Cường đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 17/LC-CQĐT, ngày 25/6/2019 của Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ đối với bị can Sùng Mí C.

Ngày 24/6/2019 bị can Sùng Mí T đến Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ đầu thú về hành vi Bắt, giữ người trái pháp luật và Cường đoạt tài sản của mình. Cùng ngày Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ ra Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 06/ĐN-CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 08/LB-CQĐT, ngày 26/3/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và được Viện kiểm sát nhân

dân huyện Đ ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số: 06/QĐ-VKS, hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với Sùng Mí Tủa. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 16/LC-CQĐT đối với bị can Sùng Mí T.

Ngày 14/8/2019 bị can Sùng Mí N đến Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ đầu thú về hành vi Cường đoạt tài sản của mình. Cùng ngày Cơ quan CSĐT, Công an huyện Đ ra Đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số 07/ĐN-CQĐT hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Tạm giam theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số: 06/LB-CQĐT, ngày 26/3/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và được Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ra Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn số: 07/QĐ-VKS, hủy bỏ biện pháp tạm giam đối với Sùng Mí N. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 23/LC-CQĐT đối với bị can Sùng Mí N.

Trong vụ án trên còn có Sùng Mí N, sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã S, huyện Đ là người mà Sùng Mí C nhờ đèo mình đến nhà của Linh, trước khi đi N không biết rõ nội dung việc C đến nhà L để làm gì. Khi có mặt tại nhà L, N ngồi nói chuyện với người nhà của T và không tham gia trong quá trình cưỡng đoạt số tiền trên. Vì vậy không có căn cứ để xử lý đối với Sùng Mí N trong vụ án này.

Cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh H đã truy tố bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Mí T về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015; Truy tố các bị cáo Sùng Phái S, Vừ Thị M về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Sùng Mí C về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Mí T phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và Phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

* Về hình phạt đề nghị:

+ Đối với Sùng Mí N:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N từ 9 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

+Đối với Sùng Mí L:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo L từ 06

(sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo L từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

+ Đối với bị cáo Sùng Mí Tủa:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo T từ 12 (mười) tháng đến 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Sùng Phái S, Vừ Thị M phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật". Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt các bị cáo:

- Vừ Thị M từ 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Sùng Phái S (Sùng Mí S) từ 6 (sáu) tháng đến 9 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Sùng Mí C phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản"; Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Sùng Mí C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười năm) tháng Cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 chiếc xe mô tô, màu sơn trắng cùng các giấy tờ liên quan và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) cho người đại diện hợp pháp của bị hại anh Sùng Mí V, 01 chiếc xe mô tô và các giấy tờ liên quan cho Sùng Mí L. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc gậy dài 99cm, nơi rộng nhất 3,8cm, nơi hẹp nhất 1,9cm; 01 chiếc ghế nhựa màu hồng; 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ trùm kín đầu, màu trắng, có hoa văn màu đỏ đen, phía trên mũ có chữ ASIA, kính chắn gió màu đen, trên đỉnh mũ đã bị vỡ từ đỉnh ra sau (*đã qua sử dụng*).

Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Phái S (Sùng Mí S) ; Vừ Thị M; Sùng Mí L trình bày: về tội danh nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tuyên bố các bị cáo N, L phạm tội: Bắt, giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản; Các bị cáo M, S phạm tội: Bắt, giữ người trái pháp luật. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với Sùng Mí N áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b,i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, Xử Phạt bị cáo N từ 12 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

Đối với Sùng Mí L

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36, Điều 55, Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo L từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

Các bị cáo Vũ Thị M, Sùng Phái S về tội danh: "Bắt, giữ người trái pháp luật" Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo M, S từ 6 (sáu) đến 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ là có tác dụng giáo dục, răn đe; Về xử lý vật chứng, án phí, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí T, Sùng Mí C trình bày: về tội danh: Viện kiểm sát truy tố bị cáo Sùng Mí T về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản" và truy tố bị cáo Sùng Mí C về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" là có căn cứ, đúng người, đúng tội;

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Sùng Mí T

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 55; Điều 58, Điều 90; Điều 91; Điều 100; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo T từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản";

Đối với Sùng Mí C

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Sùng Mí C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười năm) tháng Cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C không có ý kiến bổ sung đối với quan điểm của bào chữa đã trình bày, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; về hình phạt các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo; về xử lý vật chứng và án phí bị cáo không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các lời khai của người làm chứng và các bản cung của cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án các bị cáo không có ý kiến đối đáp, tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai mà các bị cáo đã khai trước đó tại cơ quan điều tra được lưu giữ trong hồ sơ vụ án từ bút lục số 202 đến bút lục số 295; Hành vi phạm tội của các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C còn được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị hại Sùng Mí T bút lục số: 369 đến bút lục số 173; Lời khai người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng cho bị hại Sùng Mí V từ bút lục số 639 đến bút lục số 646; Lời khai người làm chứng từ bút lục số 297 đến bút lục 309 Biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra từ bút lục số 312 đến bút lục số 330 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3]. Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh H đã truy tố các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng

người, đúng tội; về hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; khoản 3 Điều 54; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100, Bộ luật hình sự năm 2015; để Xử phạt các bị cáo Sùng Mí N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cưỡng đoạt tài sản"; Xử phạt: Sùng Mí L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cưỡng đoạt tài sản"; Xử phạt: Sùng Mí T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cưỡng đoạt tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 170 điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 36, khoản 3 Điều 54, Điều 58, xử phạt: Sùng Mí C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Cưỡng đoạt tài sản"; Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: các bị cáo Vũ Thị M và Sùng Phái S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Căn cứ lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Vũ Thị M, Sùng Phái S đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 54; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo L từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo M, S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS năm 2015 để xử phạt các bị cáo từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Việc người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều khoản đã nêu trên là có căn cứ pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí T, Sùng Mí C đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170; điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91;

Điều 98; Điều 100 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Sùng Mí T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội Bắt, giữ người trái pháp luật và 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội Cường đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Sùng Mí C từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội Cường đoạt tài sản. Việc người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều khoản đã nêu trên là có căn cứ pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Từ những chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận: Từ khoảng 22 giờ 00 phút ngày 12 tháng 9 năm 2018 đến khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/9/2018, tại nhà của Sùng Mí L thuộc thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H. Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C đã có hành vi bắt, giữ người trái pháp luật và đe dọa dùng vũ lực để cưỡng đoạt 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) của Sùng Mí T, trú tại thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội bắt, giữ người trái pháp luật và Cường đoạt tài sản, quy định khoản 1, Điều 157 có mức phạt, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù 6 tháng đến 03 năm và quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[5] Nhận thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, tài sản của người bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N, L, T, M, C, S có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì bị cáo N nghe được cuộc điện thoại của người đàn ông lạ gọi đến số điện thoại của vợ cả của N thường dùng ,do nghi ngờ vợ đã có quan hệ bất chính với người khác, để biết mặt của người đàn ông đó bị cáo N đã đưa điện thoại cho M nghe hộ, trong khi nói chuyện với M, người đàn ông tên là T, nhà ở Lũng H, xã S, huyện Đ, sau đó Thà hẹn sẽ đến thôn M, xã S để gặp mặt M. Trong cuộc điện thoại người đàn ông nói rõ trang phục, đặc điểm xe cho M biết, sau đó M nói lại cho N về thời gian địa điểm hẹn, người đi xe màu gì, đội mũ màu gì, khi M nói bị cáo N thì các bị cáo L, T, S cũng có mặt ở đó, N nói đi lên xem mặt người đàn ông tên T đó tất cả mọi người đồng ý, sau khi gặp mặt T thì N dùng chân, tay, gậy còn T dùng chân đánh T, sau đó mọi người bắt T đưa về nhà bị cáo L để giải quyết và làm rõ, về đến nhà L thì S đi về nhà, còn M cho con ăn, sau đó bị cáo N gọi điện cho bị cáo C biết về việc đã bắt được một người đàn ông nghi có quan hệ bất chính với cả của N, bị cáo N nhờ bị cáo C đến giúp giải quyết, C đồng ý và nhờ N ở cùng thôn đưa Cơ đến nhà L, khi đến nơi C nhận ra là Sùng Mí T nhưng bị cáo C không cần biết lý do gì, bị cáo chửi T và dùng chai nước Lavi ném trúng vào

người T, dùng ghê nhựa đánh vào người T, bị cáo C tham gia tích cực cùng các bị cáo khác dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần người bị hại để cưỡng đoạt tài sản. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xét về nguyên nhân, động cơ phạm tội, các bị cáo phạm tội do trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là anh em trong dòng họ, khi phạm tội bị cáo Sùng Mí T chưa đủ 18 tuổi nên tâm sinh lý chưa phát triển toàn diện, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình, có nhân thân tốt, ở địa phương, các bị cáo chấp hành và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân; trước khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra các bị cáo đã thấy việc thực hiện hành vi bắt giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản là phạm pháp nghiêm trọng là bài học của các bị cáo nên các đã sửa chữa sai lầm, đã tự nguyện bồi thường về tổn thất về mặt tinh thần, danh dự, nhân phẩm và tiền chi phí đi lại cho người đại diện hợp pháp cho bị hại là anh Sùng Mí V, vì vậy các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt các bị cáo, đồng thời cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của chính sách pháp luật, không nhất thiết phải đưa các bị cáo ra khỏi xã hội chỉ cần cải tạo các bị cáo tại địa phương đã đủ, có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; Đối với các bị cáo phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án trong quá trình Điều tra, truy tố, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Bắt, giữ người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản, không có sự bàn bạc, tổ chức trước khi thực hiện. Do trình độ nhận thức của các bị cáo hạn chế, không hiểu biết pháp luật, là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, khi nhận được tổ giác của bị hại Sùng Mí T, Công an điều tra tiến hành vào cuộc Điều tra khởi tố vụ án, các bị cáo mới nhận thức được mình phạm tội. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo cải tạo không giam giữ tại địa phương là đã đủ để có tác dụng giáo dục cho các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại biên bản thỏa thuận ngày 14/10/2019 tại xã S, huyện Đ, tỉnh H, các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí T, Sùng Mí C và anh Sùng Mí V là con trai bị hại (Sùng Mí T) đã thỏa thuận các bị cáo tự nguyện bồi thường tổn thất về mặt tinh thần, danh dự, nhân phẩm và tiền chi phí đi lại cho bị hại Sùng Mí Thà là 10.000.000đ (*mười triệu đồng chẵn*). Người đại diện hợp pháp cho bị hại anh Sùng Mí V đã nhận đủ số tiền bồi thường tổn thất về mặt tinh thần, danh dự, nhân

phẩm là 10.000.000đ (*mười triệu đồng chẵn*) có biên bản giao nhận ngày 14/10/2019 tại xã S, huyện Đ, tỉnh H, tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho bị hại Anh Sùng Mí V không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Cùng ngày Sùng Mí V có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo trên và đơn xin lấy lại tài sản là chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, BKS: 23N1-023.27, màu sơn: đen- trắng (xe đã qua sử dụng).

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với tài sản là vật chứng của vụ án là tài sản chung của gia đình nên Hội đồng xét thấy cần trả lại gia đình bị hại, bị cáo gồm:

- 01 chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, BKS: 23N1-023.27, màu sơn: đen- trắng, không có gương chiếu hậu bên phải, tay phanh bị cong xuống phía dưới, bộ phận đèn chiếu hậu bị nứt vỡ (*xe đã qua sử dụng*)

- 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, mô tô số: 006097, cấp ngày 24/7/2017 tại Công an huyện Đồng Văn, mang tên Sùng Mí Thà, sinh năm: 1968, trú tại thôn Lũng Hòa B, xã Sà Phìn, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), trong đó mỗi tờ có mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*).

- 01 chiếc mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại WAVE, BKS: 23N1-043.77, màu sơn: Bạc-Xám-Đen. Lốp trước mài mòn trượt sát cao su, gương chiếu hậu bên trái bị vỡ nứt, yên chắn trước phía dưới bên phải bị nứt vỡ (32x3x8)cm. Hai bên thành xe có nhiều dấu vết trầy xước kim loại diện mài mòn không liên tục, giá đỡ chân trước bị đẩy theo hướng từ trước ra sau, trên yên xe có 03 vết xước vết 1 có kích thước 1,6cm, vết 2 có kích thước 2,4cm, vết 3 có kích thước 5,7x1,8cm.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, mô tô biển đăng ký 23N1-043.77, số: 005113, cấp ngày 02/01/2014 tại Công an huyện Đ, mang tên Sùng Mí L, sinh năm: 1997, trú tại thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H.

Đối với các vật chứng:

- 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ trùm kín đầu, màu trắng, có hoa văn màu đỏ đen, phía trên mũ có chữ ASIA, kính chắn gió màu đen, trên đỉnh mũ đã bị vỡ từ đỉnh ra sau (*đã qua sử dụng*)

- 01 chiếc gậy dài 99cm, nơi rộng nhất 3,8cm, nơi hẹp nhất 1,9cm.

- 01 chiếc ghế nhựa màu hồng nhạt (*mặt ghế tròn có in hoa văn chữ tượng hình*), Ghế vỡ theo chiều hướng từ trên xuống dưới vị trí vỡ dài 13x0,1cm, đã qua sử dụng, trên ghế có bám nhiều bùn đất.

Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

[7] Về án phí sơ thẩm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo đã có đơn xin miễn án phí sơ thẩm với lý do thuộc gia đình hộ nghèo. Hội đồng xét xử cần xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Mí T phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật và Cường đoạt tài sản"; Các bị cáo Sùng Phái S, Vừ Thị M phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật"; Bị cáo Sùng Mí C phạm tội: "Cường đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí N 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí N 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cường đoạt tài sản";

+ Tổng hợp hai tội bị cáo Sùng Mí N phải chịu 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí L 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 36; Điều 55; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cường đoạt tài sản";

+ Tổng hợp hai tội bị cáo Sùng Mí L phải chịu 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 55; Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 100 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Sùng Mí T 12 (mười) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cường đoạt tài sản";

+ Tổng hợp hai tội bị cáo Sùng Mí T phải chịu 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Vừ Thị M 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", thời hạn chấp

hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điều 17; Điều 36; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Sùng Phái S (Sùng Mí S) 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17, Điều 36; Điều 58 điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Sùng Mí C 15 (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Cưỡng đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tính từ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Áp dụng Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Sùng Mí Nhù, Sùng Mí Linh, Sùng Mí Tủa, Sùng Mí Sì, Vừ Thị Máy, Sùng Mí Cơ.

Giao các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Mí T, Sùng Mí S, Vừ Thị M, Sùng Mí C cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S giám sát, giáo dục các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Trả lại anh Sùng Mí V, sinh năm 1996; trú tại: Thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H:

+ 01 chiếc mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, BKS: 23N1-023.27, màu sơn: đen- trắng, không có gương chiếu hậu bên phải, tay phanh bị cong xuống phía dưới, bộ phận đèn chiếu hậu bị nứt vỡ (*xe đã qua sử dụng*)

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, mô tô số: 006097, cấp ngày 24/7/2017 tại Công an huyện Đồng Văn, mang tên Sùng Mí T, sinh năm: 1968, trú tại thôn L, xã S, huyện Đ, tỉnh H;

+ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), trong đó mỗi tờ có mệnh giá 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho Sùng Mí L, sinh năm 1997, trú tại: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh H các vật chứng sau:

+ 01 chiếc mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại WAVE, BKS: 23N1-043.77, màu sơn: Bạc-Xám-Đen. Lốp trước mài mòn trượt sát cao su, gương chiếu hậu bên trái bị vỡ nứt, yên chắn trước phía dưới bên phải bị nứt vỡ 32x3x8cm. Hai bên thành xe có nhiều dấu vết trầy xước kim loại diện mài mòn không liên tục, giá đỡ chân trước bị đẩy theo hướng từ trước ra sau, trên yên xe có 03 vết xước vết 1 có kích thước 1,6cm, vết 2 có kích thước 2,4cm, vết 3 có kích thước 5,7x1,8cm.

+ 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, mô tô biển đăng ký 23N1-043.77, số: 005113, cấp ngày 02/01/2014 tại Công an huyện Đồng Văn, mang tên Sùng Mí Linh, sinh năm: 1997, trú tại thôn Má Chè, xã Sinh Lũng, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ trùm kín đầu, màu trắng, có hoa văn màu đỏ đen, phía trên mũ có chữ ASIA, kính chắn gió màu đen, trên đỉnh mũ đã bị vỡ từ đỉnh ra sau (*đã qua sử dụng*)

+ 01 chiếc gậy dài 99cm, nơi rộng nhất 3,8cm, nơi hẹp nhất 1,9cm;

+ 01 chiếc ghế nhựa màu hồng nhạt (*mặt ghế tròn có in hoa văn chữ tượng hình,*) Ghế vỡ theo chiều hướng từ trên xuống dưới vị trí vỡ dài 13x0,1cm, đã qua sử dụng, trên ghế có bám nhiều bùn đất.

Tình trạng, đặc điểm của các vật chứng như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh H và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh H, ngày 21 tháng 10 năm 2019.

4. Về án phí sơ thẩm hình sự: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí N, Sùng Mí L, Sùng Mí T, Sùng Phái S, Vừ Thị M, Sùng Mí C,

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Các bị cáo quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/11/2019.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Sở tư pháp tỉnh H;
- Phòng PC 81; PV 27 CA tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã S;
- Người bào chữa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng Mí Chớ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Mãn Doanh Nguyễn Công Văn

Giàng Mí Chớ

